

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HS-PT

Ngày: 15-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo Lê Minh K và Huỳnh Thanh P do có kháng cáo của bị cáo Lê Minh K và bị hại Đoàn Ngọc G đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2025/HS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long).

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: **Lê Minh K**, sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); nơi cư trú: Số A, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp H, xã P, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1964 và bà Huỳnh Thị Cẩm B, sinh năm 1965; sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Anh T, sinh năm 1988; con: có 01 con sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị cáo bị kháng cáo: **Huỳnh Thanh P**, sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); nơi cư trú: Số D, ấp M, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là Số D, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Trần Thị B1, sinh năm 1944; vợ: Huỳnh Ngọc D (đã chết); con: có 01 con sinh năm 2007;

Tiền án: không;

Tiền sự:

- Tại Quyết định số: 04/QĐ-XPHC ngày 20/7/2016 của Trưởng Công an xã M (sau sáp nhập là xã B) thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long), xử phạt Huỳnh Thanh P số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Tại Quyết định số: 07/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M (sau sáp nhập là xã B) thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long), xử phạt Huỳnh Thanh P số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Tại Quyết định số: 67/QĐ-XPHC ngày 28/6/2019 của Trưởng Công an xã M (sau sáp nhập là xã B) thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long), xử phạt Huỳnh Thanh P số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Tại Quyết định số: 183/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M (sau sáp nhập là xã B) thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long) áp dụng biện pháp Giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng đối với Huỳnh Thanh P về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Tại Quyết định số: 09/QĐ-TA ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long*) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Huỳnh Thanh P thời hạn 13 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Tại Quyết định số: 34/QĐ-XPHC ngày 29/6/2021 của Công an xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long) xử phạt Huỳnh Thanh P số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Tại Quyết định số: 595/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long) áp dụng biện pháp Giáo dục tại xã thời hạn 06 tháng đối với Huỳnh Thanh P về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

Nhân thân:

- Tại Bản án số: 20/2000/HSST ngày 26/7/2000 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long*) xử phạt Huỳnh Thanh P 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong Bản án ngày 09/12/2000);

- Tại Bản án số: 47/2011/HSST ngày 29/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long*) xử phạt Huỳnh Thanh P 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Tại Bản án số: 58/2011/HSST ngày 07/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long*) xử phạt Huỳnh Thanh P 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (chấp hành xong các Bản án số 47 và 58 vào ngày 15/10/2013);

- Tại Quyết định số: 04/QĐ-XPHC ngày 27/3/2014 của Trưởng Công an xã M (sau sáp nhập là xã B) thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long) xử phạt Huỳnh Thanh P số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Tại Quyết định số: 06/QĐ-TA ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là *Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long*) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Huỳnh Thanh P thời hạn 15 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2024 cho đến ngày 01/01/2025 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh K*: Bà Đinh Thị Bé M là Luật sư - Chi nhánh văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (nay là tỉnh Đồng Tháp); có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo*: Đoàn Ngọc G, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú: Ấp E, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là Ấp E, xã P, tỉnh Đồng Nai); nơi cư trú: Ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là Khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 28/3/2023, Lê Minh K điều khiển xe mô tô biển số 71H9 - 4592 chở Huỳnh Thanh P (P là cậu ruột của K) và bạn của P là Nguyễn Văn T2 đi ăn sáng tại Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là Khu phố C, phường S, tỉnh Vĩnh Long). Tới quán ăn, trong lúc Huỳnh Thanh P và Nguyễn Văn T2 sang đường để vào quán thì K thấy ông Đoàn Ngọc G đang ngồi chờ rửa xe trong tiệm gần đó, K nhớ lại sự việc mâu thuẫn vào khoảng nửa tháng trước giữa vợ K là Nguyễn Anh T với ông G nên K đến vừa hỏi vừa dùng tay đánh vào mặt ông G vì sao ông G đánh vợ K. Lúc này, Huỳnh Thanh P ở bên kia đường nghe tiếng Kha nói “đánh vợ...” và thấy K đang đánh ông G, P liền chạy sang đường cùng K đánh gây thương tích ở vùng đầu của ông G, được mọi người can ngăn, ông G được đưa đến Bệnh viện M1 cấp cứu và xuất viện cùng ngày.

Quá trình thụ lý nguồn tin ban đầu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B (trước khi sáp nhập đơn vị hành chính với tỉnh Vĩnh Long) tiếp nhận 01 đoạn camera do ông Nguyễn Tấn T3 cung cấp và tiến hành lưu trữ vào USB, tuy nhiên khi mở niêm phong xem xét, đánh giá chứng cứ thì hình ảnh trong USB không còn nên không có giá trị sử dụng.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 6632/KLTTCT-C09B ngày 03/11/2023 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Đoàn Ngọc G kết luận:

- Các kết quả chính:

- + Vùng dưới mắt trái có 01 vết thay đổi sắc tố da kích thước 02cm x 0,7cm;
- + Vỡ thành ngoài xoang hàm bên trái;
- + Gãy mặt dưới ổ mắt trái.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích như sau:

- + Vùng dưới mắt trái có 01 vết thay đổi sắc tố da: 01% (C, M).
- + Vỡ thành ngoài xoang hàm bên trái: 07% (C, Mục II.4.1).
- + Gãy mặt dưới ổ mắt trái: 05% (Chương X, Mục XIII.1).

Áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đoàn Ngọc G tại thời điểm giám định là 13%.

- Kết luận khác: Thương tích vùng mặt của Đoàn Ngọc G có đặc điểm phù hợp do vật tày tác động gây ra.

Bị hại Đoàn Ngọc G yêu cầu Lê Minh K, Huỳnh Thanh P bồi thường chi phí điều trị thương tích, tiền công lao động bị mất và tổn thất tinh thần với tổng số tiền 102.150.000 đồng. Lê Minh K và Huỳnh Thanh P đã bồi thường số tiền chi phí điều trị thương tích là 31.350.000 đồng, số tiền còn lại 70.800.000 đồng K và P đồng ý bồi thường nhưng chưa bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2025/HS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long) đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh K, Huỳnh Thanh P phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

1.1 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Minh K 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

1.2 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2024;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ khi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 06/5/2025, bị cáo Lê Minh K kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 14/5/2025, bị hại Đoàn Ngọc G kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với hai bị cáo Lê Minh K và Huỳnh Thanh P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Lê Minh K và Huỳnh Thanh P khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm. Bị cáo Huỳnh Thanh P đồng ý với Bản án sơ thẩm nên

không kháng cáo. Bị cáo K cho rằng phạm tội không có tính côn đồ và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Bị hại ông Đoàn Ngọc G rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Lê Minh K và Huỳnh Thanh P; đồng thời có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo Lê Minh K và Huỳnh Thanh P được hưởng án treo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo Lê Minh K và bị hại Đoàn Ngọc G làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Lê Minh K và Huỳnh Thanh P phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt và kháng cáo của bị cáo K cũng như kháng cáo của bị hại G, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo K 02 năm tù và bị cáo P 02 năm tù; tại cấp phúc thẩm bị hại Giao đã rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với hai bị cáo, đồng thời có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho hai bị cáo được hưởng án treo; bị cáo K đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại Giao số tiền 70.800.000 đồng theo Bản án sơ thẩm đã tuyên, vì vậy cần xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo; do các bị cáo phạm tội “có tính chất côn đồ” nên kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo K cũng như yêu cầu của bị hại Giao cho bị cáo K và bị cáo P được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357; Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại Đoàn Ngọc G; chấp nhận một phần kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Minh K và xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Huỳnh Thanh P; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Minh K từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh P từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2024. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo K không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo K tranh luận: Đồng ý về tội danh đối với bị cáo K. Về tình tiết định khung phạm tội “có tính chất côn đồ” theo khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự, thấy rằng xuất phát từ việc bị hại đánh vợ bị cáo nên bị cáo mới đánh lại bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 13%, vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo K không có tính chất côn đồ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Tại cấp phúc thẩm bị cáo K có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới như đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 70.800.000 đồng mặc dù theo

Bản án sơ thẩm thì bị cáo chỉ chịu trách nhiệm bồi thường 1/2 thiệt hại cho bị hại; bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử bỏ tình tiết “có tính chất côn đồ” để cho bị cáo K được hưởng án treo, nếu không chấp nhận cho bị cáo K được hưởng án treo thì đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K mức hình phạt 06 tháng tù.

- Bị cáo P không tranh luận.

- Bị hại Giao tranh luận: Xin Hội đồng xét xử cho cả hai bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo K nói lời sau cùng: Xin được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện lo cho cha mẹ già, con nhỏ và đi làm để trả nợ.

- Bị cáo P nói lời sau cùng: Xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của các bị cáo và bị hại tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất nhưng vào khoảng 07 giờ 05 phút ngày 28/3/2023, tại Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là Khu phố C, phường S, tỉnh Vĩnh Long), các bị cáo Lê Minh K và Huỳnh Thanh P đã có hành vi cùng nhau dùng tay đánh bị hại Đoàn Ngọc G gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 13%.

[3] Về tội danh: các bị cáo K và P là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; chỉ vì nguyên do nhỏ nhen đã dùng tay đánh bị hại gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 13%; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Lê Minh K và Huỳnh Thanh P phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm i khoản 1 “có tính chất côn đồ”) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm thì bị hại Đoàn Ngọc G kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Lê Minh K và Huỳnh Thanh P. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị hại Giao đã tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo K và P, đồng thời có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo K, P được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại Giao, tiếp tục xem xét kháng cáo của bị cáo K và xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo P theo yêu cầu của bị hại Giao.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Minh K yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo K được hưởng các tình tiết *“tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả”* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *“thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo đang nuôi con chưa thành niên, gia đình có người thân có công với đất nước theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo K 02 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Vào ngày 28/3/2023, giữa bị cáo K với bị hại Giao hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với nhau, khi bị cáo K gặp bị hại G thì bị cáo K nhớ lại sự việc mâu thuẫn xảy ra trước đó giữa vợ bị cáo K với bị hại Giao nên bị cáo K đã chủ động tiến lại hỏi và dùng tay đánh vào mặt bị hại Giao gây thương tích, hành vi của bị cáo K là có tính chất côn đồ, việc bị cáo K cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo không có tính chất côn đồ là không có cơ sở chấp nhận. Bị cáo K cùng bị cáo P có hành vi dùng tay đánh bị hại G gây ra các vết thương ở vùng dưới mắt trái, vỡ thành ngoài xoang hàm bên trái, gãy mắt dưới ổ mắt trái với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 13%; các bị cáo phạm tội có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, đã xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại, phạm tội với lỗi cố ý, có tính chất côn đồ, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và sức khỏe của người khác; trong quá trình điều tra, các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 31.350.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo K theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tại cấp phúc thẩm, bị cáo K có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại với số tiền theo Bản án sơ thẩm đã tuyên là 70.800.000 đồng, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo K được hưởng án treo. Do bị cáo K có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo K; tuy nhiên, do bị cáo K phạm tội có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của

bị cáo K cũng như yêu cầu của bị hại Giao cho bị cáo K được hưởng án treo là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Đối với bị cáo Huỳnh Thanh P đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không kháng cáo; đồng thời bị cáo P cũng không bị kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị hại Giao có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo P được hưởng án treo, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 357, Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo P. Do bị cáo P phạm tội có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật, vì vậy việc bị hại Giao có yêu cầu cho bị cáo P được hưởng án treo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại Giao, chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt của bị cáo K, đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo P, sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Người bào chữa cho bị cáo K đề nghị bỏ tình tiết “có tính chất côn đồ” để cho bị cáo K được hưởng án treo là không phù hợp với quy định của pháp luật, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, người bào chữa đề nghị nếu không chấp nhận cho bị cáo K được hưởng án treo thì xử phạt bị cáo K mức hình phạt 06 tháng tù, xét thấy mức hình phạt 06 tháng tù đối với bị cáo K là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị này của người bào chữa cũng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Minh K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự;